

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 11 - 2022
V/v ly hôn giữa bà A và ông M.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích.

2. Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 836/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 319/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Hoài A**, sinh năm xxxx (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L – Luật sư Công ty TNHH MTV K thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm xxxx (có mặt).

ĐKTT: Số xxx khu phố x, phường A, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số xxx đường T, khu dân cư T1, phường A, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20-5-2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn - bà Phạm Hoài A trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24-5-2018. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi cọ, bất đồng trong suy nghĩ và quan điểm, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà muốn ly hôn với ông M.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Quang Đ (nam) sinh ngày xxxxx. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A xác định không có.

** Tại bản tự khai ngày 27-7-2022 bị đơn – ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông và bà Phạm Hoài A tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào ngày 24-5-2018. Ông bà có 01 con chung là Nguyễn Quang Đ (nam) sinh ngày xxxxx. Quá trình chung sống, ông và bà A hay có mâu thuẫn nên cuộc sống có phần căng thẳng. Hiện nay, bà A cũng đã tự ý bỏ về quê cùng với con. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông và bà A không quá lớn, có thể hàn gắn được và cháu Nguyễn Quang Đ chỉ mới 01 tuổi còn quá nhỏ dại, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên ông mong muốn Tòa án cho thêm thời gian để hàn gắn với bà A.

Về con chung: Trong trường hợp không thể hàn gắn, ông mong muốn được nuôi con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định không có.

Tại phiên tòa,

** Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và gửi kèm Luận cứ bảo vệ với nội dung:*

Bà A và ông M tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định. Bà A cho rằng hôn nhân giữa 02 bên đã đến mức trầm trọng; cả 02 bên không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2022 đến nay; bà A hiện đã về địa chỉ gia đình tại Thái Bình sinh sống. Ông M xác định cuộc hôn nhân giữa các bên không hề trầm trọng, xin Tòa án cho thời gian hàn gắn, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông M chưa đưa ra được bất kỳ giải pháp nào thể hiện tinh thần hàn gắn,

kéo dài cuộc hôn nhân, trong khi đó, bà A vẫn cương quyết muốn ly hôn với ông M. Đời sống hôn nhân giữa bà A và ông M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

Về con chung: Bà A và ông M có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Đ, sinh ngày xxxxx; hiện đang sống với bà A tại tỉnh Thái Bình. Bà A xin được tiếp tục nuôi con chung và đề nghị ông M cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Phía bị đơn ông M cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Nguyễn Quang Đ là trẻ em dưới 36 tháng tuổi; về nguyên tắc giải quyết ly hôn thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại cháu Nguyễn Quang Đ đã sinh sống ổn định với mẹ tại Thái Bình; cuộc sống của cháu vẫn được đảm bảo tốt và không có bất cứ chứng cứ nào xác định bà A không thể lo tốt cho cháu khi giao cháu Đ cho bà A nuôi dưỡng. Về điều kiện kinh tế, có thể mức lương của ông M lớn hơn nhiều so với mức lương của bà A nhưng bà A cũng có công việc ổn định với mức thu nhập 7.000.000 đồng/tháng thì vẫn đảm bảo đời sống cơ bản của cháu Đ khi được Toà xem xét chấp nhận yêu cầu của bà A. Do đó, để tránh trường hợp thay đổi môi trường sống của cháu Đ, đảm bảo điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho cháu Đ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định và dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông M là đảm bảo quyền lợi của các bên.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Mặc dù bà A có công việc ổn định đủ điều kiện nuôi con chung, nhưng cũng cần có sự hỗ trợ từ phía ông M để cuộc sống của cháu Đ đầy đủ hơn, nhằm đảm bảo việc phát triển tốt nhất cho cháu khi cha mẹ ly hôn. Xét về điều kiện kinh tế: Hiện nay ông M có công việc ổn định; mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cũng phù hợp với mức lương của ông M và mức sinh hoạt bình thường của một đứa trẻ hiện nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét tại phiên toà; nếu sau này có trA chấp sẽ tách giải quyết thành vụ kiện khác.

** Bị đơn – ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông không đồng ý ly hôn vì con còn quá nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng không quá lớn, ông xin thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Quang Đ (nam) sinh ngày xxxxx, không yêu cầu bà A cấp

đường. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận ly hôn và giao con cho bà A nuôi thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà A. Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tra tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Phạm Hoài A, ông Nguyễn Văn L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà A, ông L là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20-5-2022, bà Phạm Hoài A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M, do đó xác định đây là loại kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông M đang tạm trú và làm việc tại quận Ninh Kiều nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A và ông M tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 24-5-2018 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà A cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng trong suy nghĩ và quan điểm, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông M. Đối với ông M, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông M không đồng ý ly hôn vì cho rằng con còn quá nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng không quá lớn, có thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông M không đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ tháng 3/2022, trong quá trình giải quyết Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho ông M hòa giải hàn gắn nhưng bà A vẫn cương quyết xin được ly hôn, mâu thuẫn giữa bà A và ông M đã thực sự trầm trọng, thiết nghĩ một bên đã không còn tha thiết gì với cuộc hôn nhân này và đã khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về nuôi con chung*: Bà A và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Quang Đ (nam) sinh ngày xxxxx. Bà A và ông M đều có yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy, theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “3.

Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con....”, xét mặc dù ông M có điều kiện kinh tế cao hơn bà A (thu nhập mỗi tháng 110.000.000 đồng) nhưng hiện tại cháu Đ dưới 36 tháng tuổi, ông M không chứng minh được bà A không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, hơn nữa ông M cũng xác định bà A đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu Đ, do đó để tránh làm xáo trộn đời sống tinh thần của cháu Đ nên giao cháu Đ cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Tuy nhiên, vẫn dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông M không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] *Về mức cấp dưỡng nuôi con*: Bà A yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, ông M xác định trong trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông M.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà A và ông M xác định không có nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hoài A.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Phạm Hoài A và ông Nguyễn Văn M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Quang Đ (nam) sinh ngày xxxx cho bà Phạm Hoài A trực tiếp nuôi dưỡng, ông M cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án

có hiệu lực cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông M không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của cháu Đ, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh trA chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân*: Bà Phạm Hoài A phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000672 ngày 21-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, bà A không phải nộp thêm.

5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Nguyễn Văn M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- UBND p. An Phú Đông, quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng

